

Số/No:/TB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2026

Ho Chi Minh City, March 03rd, 2026

THÔNG BÁO

**Giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ,
quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan
của người nội bộ**

***NOTICE OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BONDS, RIGHTS TO BUY
SHARES/FUND CERTIFICATES, CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON
AND AFFILIATED PERSON OF INTERNAL PERSON***

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công ty Cổ phần Transimex.

To:

- The State Securities Commission;
- Ho Chi Minh Stock Exchange;
- Transimex Corporation.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/
organisation conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:* CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS QUỐC TẾ RYOBI VIỆT NAM / *RYOBI INTERNATIONAL LOGISTICS VIETNAM JOINT STOCK COMPANY*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:* 0312944934 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày cấp ngày 19/09/2014 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) / *0312944934 issued by the Department of Finance of Ho Chi Minh City on September 19th, 2014 (amended and supplemented from time to time).*

- Địa chỉ trụ sở chính/ *address of head office:* Phòng 2.02, Lầu 2, Tòa nhà TMS, 172 Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam / *Room 2.02, 2nd Floor, TMS Building, 172 Hai Ba Trưng Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*

- Điện thoại/*Telephone:*..... Fax:..... Email:..... Website:.....



2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/*Information of internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund):*

2.1. Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person*: **TOSHIYUKI MATSUDA**

- Quốc tịch/*Nationality*: Nhật Bản / *Japanese*.

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.*: cấp ngày tại /
issued

- Địa chỉ thường trú/*Permanent address*:

- Điện thoại liên hệ/*Telephone*:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng /*Current position in the public company*:
Thành viên Hội đồng quản trị / *Member of the Board of Directors*.

- Môi quan hệ giữa tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of organisation executing transaction with internal person*: Ông Toshiyuki Matsuda là Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Ryobi Việt Nam / *Mr. Toshiyuki Matsuda is a Member of the Board of Directors of Ryobi International Logistics Vietnam Joint Stock Company*.

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có) / *Number, percentage of shares held by the internal person (if any)*: 39.538 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,02% / *39,538 share accounting for 0.02%*.

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code*: TMS

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/*Trading accounts having shares/fund certificates mentioned at item 3 above*: 033FCC7270 tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt / *033FCC7270 In Viet Dragon Securities Corporation*.

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the transaction of executing rights of purchase or convert bonds into shares*: 35.497.834 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 20,96% / *35,497,834 share accounting for 20.96%*.

6. Số lượng quyền mua hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có/*Number of rights or convertible bonds owned*:

- Số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi)/*Number of convertible bonds owned (in case of exercising trading of convertible bonds or rights to buy convertible bonds)*: 0.

- Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi hiện có: 838.597 quyền mua trái phiếu chuyển đổi.

Number of rights to purchase shares/fund certificates/convertible bonds owned currently: 838,597 rights to purchase convertible bonds.

7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi)/*Proportion of executing*



rights to purchase (in case of trading the purchase right) or proportion of converting bonds into shares (in case of convertible bond trading): 42,33:1

8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/Number of rights to purchase (in case of trading purchase rights) or number of convertible bonds (in case of trading convertible bonds) registered to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:

- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/ chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/Type of transaction registered (to purchase/ sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred): Mua/Purchase.

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký giao dịch: 838.597 trái phiếu chuyển đổi.

Number of rights to purchase (in case of trading purchase rights) or number of convertible bonds (in case of trading convertible bonds) registered for trading: 838,597 convertible bonds.

9. Giá trị chuyển nhượng dự kiến/Expected transferred value: Không/None.

10. Tổng số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu: 838.597 trái phiếu chuyển đổi.

Number of shares/fund certificates/ convertible bonds expected to hold after exercising the right to purchase or number of shares expected to hold after converting bonds into shares: 838,597 convertible bonds.

11. Phương thức giao dịch/Method of transaction: đăng ký thực hiện quyền/Registration to exercise rights.

12. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/Expected trading time: 05/03/2026.

Nơi nhận:

Recipients:

- SSC; HSX; Transimex;

- Lưu: VT.

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name and seal -if any)



MASASHI TANAKA

